

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15-6-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Tuấn

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Dũng.

Ông Nguyễn Hữu Mùi.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Tuyết Mai – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hà Mạnh T** – sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Đỗ Phương X** – sinh năm 1992

Địa chỉ: 122/27/56/2 Đ, phường 10, quận 4, TP Hồ Chí Minh.

*(Anh T, chị X có đơn xin xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, lời khai nguyên đơn là anh Hà Mạnh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Đỗ Phương X vào ngày 05/11/2019, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, quận 4, TP Hồ Chí Minh. Sau khi cưới anh chị làm ăn sinh sống tại TP Hồ Chí Minh. Cuộc sống gia đình hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên ngày 01/10/2020 anh đã về quê tại xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để ở và đi làm ăn kinh tế. Anh và chị X sống ly thân từ đó đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm không còn nên anh xin được ly hôn với chị X.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn là chị Đỗ Phương X có quan điểm trình bày:

Chị kết hôn với anh Hà Mạnh T vào ngày 05/11/2019, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, quận 4, TP Hồ Chí Minh. Sau khi cưới anh chị làm ăn sinh sống tại TP Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ngày 01/10/2020 anh T đã về quê tại xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để ở và đi làm ăn kinh tế. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn thì chị cũng nhất trí.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, xác định:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Mạnh T và chị Đỗ Phương X.

2- Về con chung: Không có.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung, đóng góp: Không giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Mạnh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Hà Mạnh T có địa chỉ: Thôn 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với Bị đơn chị Đỗ Phương có địa chỉ: 122/27/56/2 Đ, phường 10, quận 4, TP Hồ Chí Minh. Anh T và chị X thỏa thuận đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết ly hôn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T và chị X đều có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy, Tòa án căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị X.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Mạnh T kết hôn với chị Đỗ Phương X vào ngày 05/11/2019, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, quận 4, TP Hồ Chí Minh là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh chị làm ăn sinh sống

tại TP Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ngày 01/10/2020 anh T đã về quê tại xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ để ở và đi làm ăn kinh tế, chị X sống tại phường 10, quận 4, TP Hồ Chí Minh. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị X mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn. Anh T xin ly hôn chị X đồng ý nên áp dụng điều 55 luật Hôn nhân gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Mạnh T với chị Đỗ Phương X.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Anh T và chị X không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;  
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Mạnh T và chị Đỗ Phương X.

2- Về con chung: Không có.

3- Về tài sản chung, vay nợ chung, đóng góp: Không giải quyết.

4- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hà Mạnh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004101 ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh T đã nộp đủ án phí.

Anh T, chị X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- VKS ND huyện Đ;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục Thi hành án DS huyện;
- UBND phường 10 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký)

**Nguyễn Anh Tuấn**